

Bản án số: 208/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 7- 2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự góp họ (hụi)*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Mẫn
- Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2024/TLST - DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp Nguyễn Văn Rỗ, xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp Nguyễn Văn Rỗ, xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Từ năm 2021 đến năm 2022 chị có làm chủ tổ chức góp vốn xoay vốn cho chị em tham gia. Bà L tham gia 06 dây hụi tổng cộng là 11 chân và đã hốt hết. Bà L có đóng hụi chết cho chị được vài lần rồi sau đó cứ trễ dần và không đóng nữa. Hiện nay bà L còn nợ chị số tiền hụi là 157.000.000 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu đồng), bà L cứ hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả cho chị. Nay xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của chị bị xâm phạm nên chị khởi kiện yêu cầu bà L giao trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 157.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Bà L xác định bà có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ. Bà đã hốt hụi và có đóng hụi chết lại cho chị T nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên bà không còn khả năng đóng.

Bà thừa nhận bà còn nợ chị T số tiền hui là 157.000.000 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu đồng) nhưng nay bà không có khả năng trả một lần mà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Mỹ L giao trả số tiền nợ hui là 157.000.000 đồng nên đây được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; bà L là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Mỹ L giao trả số tiền nợ hui là 157.000.000 đồng. Bà L thừa nhận số nợ trên và đồng ý trả cho chị T, chứng tỏ giữa chị T và bà L đã thống nhất với nhau về số nợ phải trả nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc bà L giao trả số tiền nợ hui cho chị T là 157.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chị T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà L còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Yêu cầu của chị T được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 157.000.000 đồng $\times 5\% = 7.850.000$ đồng. Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.850.000 đồng.

Hoàn trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002953 ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phùng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T đối với bà Lê Thị Mỹ L.

Buộc bà Lê Thị Mỹ L giao trả cho chị Nguyễn Thị Bích T số tiền nợ hui là 157.000.000 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà L còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Mỹ L nộp tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch là 7.850.000 đồng (bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002953 ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-7-2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Văn Hôm